

Số: /2026/NQ-HĐND

Lào Cai, ngày tháng năm 2026

Dự thảo

NGHỊ QUYẾT

**Ban hành quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ
phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 59/2020/QH14 và Luật số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

Căn cứ Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 16/2023/QH15, Luật số 31/2024/QH15 và Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật Trồng trọt số 31/2018/QH14 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 146/2025/QH15;

Căn cứ Luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 76/2025/QH15;

Quyết định số 1165/QĐ-TTg ngày 09/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ
Quyết định số 1165/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ: Phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển ngành Dược Việt Nam giai đoạn đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị Quyết số 48-NQ/TU ngày 03/02/2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển dược liệu chiến lược tỉnh Lào Cai giai đoạn 2026 – 2030, định hướng đến năm 2050;

Xét Tờ trình số/TTr-UBND ngày ...tháng...năm 2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai đề nghị ban hành Nghị quyết Ban hành quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai; Báo cáo thẩm tra số: BC-BKTNS ngày ...tháng...năm 2026 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp;

Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành Nghị quyết quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển được liệt kê trên địa bàn tỉnh Lào Cai

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh quy định trình tự, thủ tục, hồ sơ thực hiện các chính sách và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các ban Hội đồng nhân dân, các tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành từ ngày tháng ... năm 2026.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai khoá, Kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026.

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra văn bản và Quản lý xử lý vi phạm hành chính, Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực Đảng ủy các cơ quan đảng tỉnh;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- Ban TT UBMTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các cơ quan, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Công báo, Cổng TTĐT, Báo và PTTH tỉnh;
- Các phòng CM thuộc Văn phòng;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

.....

QUY ĐỊNH

Một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số .../2026/NQ-HĐND ngày ... /.../2026
của Hội đồng nhân dân tỉnh Lào Cai)

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định một số chính sách khuyến khích, hỗ trợ phát triển dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân, chủ rừng, nhóm hộ tham gia sản xuất, phát triển, chế biến, tiêu thụ dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai

b) Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách theo quy định tại Nghị quyết này.

Điều 2. Nguyên tắc chung

1. Các hoạt động phát triển sản xuất dược liệu phải phù hợp với quy hoạch, kế hoạch, đề án phát triển kinh tế - xã hội, điều kiện thực tiễn của từng vùng, từng địa phương và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Các hoạt động hỗ trợ phát triển sản xuất dược liệu áp dụng theo tiêu chuẩn, định mức kinh tế kỹ thuật được cơ quan có thẩm quyền ban hành. Trường hợp nội dung đầu tư, hỗ trợ phát triển sản xuất chưa có định mức kinh tế kỹ thuật, trên cơ sở đề xuất của các địa phương, các sở, ngành chức năng có trách nhiệm tham mưu xây dựng, trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của địa phương.

3. Hỗ trợ từ ngân sách nhà nước để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất là hỗ trợ có điều kiện, thông qua dự án, phương án sản xuất được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Áp dụng phương thức hỗ trợ sau đầu tư, theo khối lượng công việc hoàn thành được cơ quan chức năng nghiệm thu, xác nhận kết quả thực hiện theo quy định.

4. Đối tượng cây dược liệu của dự án, phương án được hưởng hỗ trợ chính sách phải thuộc Danh mục cây dược liệu ưu tiên phát triển do UBND tỉnh ban hành.

4. Một dự án, phương án sản xuất được hưởng đồng thời các nội dung hỗ trợ quy định tại chính sách hoặc được lựa chọn nội dung hỗ trợ phù hợp với mục tiêu của dự án, phương án sản xuất.

5. Mỗi nội dung hỗ trợ quy định tại Quy định này chỉ hỗ trợ một lần cho đối tượng thụ hưởng.

6. Trường hợp nội dung hỗ trợ có nhiều chính sách hỗ trợ khác nhau thì đối tượng thụ hưởng được lựa chọn áp dụng một chính sách hỗ trợ cao nhất.

7. Bảo đảm công khai, minh bạch về nội dung, đối tượng, trình tự, thủ tục, nguồn lực, mức hỗ trợ và kết quả thực hiện.

Điều 3. Nguồn vốn thực hiện

1. Nguồn ngân sách tỉnh.
2. Nguồn vốn của doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân.
3. Các nguồn vốn hợp pháp khác.

Chương II

NỘI DUNG CHÍNH SÁCH

Điều 4. Hỗ trợ sản xuất giống dược liệu

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất giống dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án sản xuất giống dược cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Diện tích sản xuất giống dược liệu tập trung từ 0,2 ha trở lên.

c) Có bản cam kết duy trì hoạt động sản xuất giống đúng mục tiêu dự án, thời gian tối thiểu 05 năm kể từ thời điểm được hỗ trợ.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ không quá 50% tổng mức đầu tư xây dựng mới cơ sở hạ tầng (nhà lưới, nhà kính, kho bảo quản, hệ thống tưới) và mua mới thiết bị phục vụ sản xuất giống (hệ thống giá kệ, thiết bị điều chỉnh nhiệt độ, độ ẩm, thiết bị theo dõi điều kiện bảo quản và các thiết bị chuyên dụng khác). Mức hỗ trợ tối đa không quá 2 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 5. Hỗ trợ trồng dược liệu tập trung

1. Đối tượng hỗ trợ: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ gia đình, cá nhân phát triển vùng nguyên liệu tập trung.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án (tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã) hoặc phương án (hộ gia đình, cá nhân) được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Quy mô vùng nguyên liệu tối thiểu 2,0 ha/dự án (tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã) và 0,5 ha/phương án (hộ gia đình, cá nhân)

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí mua giống, phân bón. Mức hỗ trợ tối đa không quá 300 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 6: Hỗ trợ phát triển được liệu dưới tán rừng

1. Đối tượng hỗ trợ:

a) Đối với hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu: Chủ rừng là các ban quản lý rừng đặc dụng, ban quản lý rừng phòng hộ; doanh nghiệp trong nước, hợp tác xã; hộ gia đình, cá nhân trong nước, cộng đồng dân cư theo Điều 8 Luật Lâm nghiệp số 16/2017/QH14; hộ gia đình, cá nhân liên kết tổ chức theo nhóm hộ.

b) Đối với hỗ trợ trồng mới được liệu: Chủ rừng theo điểm a khoản này; Tổ chức, cá nhân thuê môi trường rừng để phát triển được liệu.

2. Điều kiện hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia, có dự án/phương án được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối với Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây được liệu:

Đảm bảo điều kiện quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

Quy mô Phương án từ 50 ha trở lên đối với chủ rừng là tổ chức, từ 30 ha trở lên đối với nhóm hộ, chủ rừng là cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

Phương án sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt phải được tổ chức triển khai thực hiện dự án phát triển được liệu dưới tán rừng.

c) Đối với dự án trồng mới được liệu dưới tán rừng: có quy mô từ 05 ha trở lên đối với tổ chức; từ 0,5 ha trở lên đối với nhóm hộ, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân.

Trường hợp đối tượng tham gia thực hiện dự án không phải là chủ rừng thì phải có hợp đồng thuê môi trường với chủ rừng theo quy định tại Nghị định số 156/2018/NĐ-CP của Chính phủ được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 183/2025/NĐ-CP.

3. Nội dung và mức hỗ trợ:

a) Hỗ trợ xây dựng Phương án nuôi, trồng phát triển, thu hoạch cây dược liệu trong rừng: Hỗ trợ một lần không quá 400.000 đồng/ha để lập hoặc thuê đơn vị tư vấn lập Phương án.

b) Hỗ trợ trồng mới dược liệu dưới tán rừng: Hỗ trợ một lần không quá 70% chi phí để mua cây giống, phân bón trong năm đầu tiên. Mức kinh phí hỗ trợ tối đa không quá 500 triệu đồng/ha.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 7. Hỗ trợ vùng nguyên liệu được chứng nhận đạt tiêu chuẩn Thực hành tốt trồng và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO)

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất dược liệu chứng nhận đạt tiêu chuẩn GACP-WHO.

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia; có dự án sản xuất dược liệu được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Vùng nguyên liệu được chứng nhận Thực hành tốt nuôi trồng và thu hái dược liệu theo khuyến cáo của Tổ chức Y tế Thế giới (GACP-WHO) theo quy định. Quy mô sản xuất tối thiểu 02ha/dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% chi phí cấp chứng nhận vùng nguyên liệu đạt tiêu chuẩn GACP -WHO theo quy định. Mức hỗ trợ tối đa không quá 200 triệu đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 8. Hỗ trợ cấp mã số vùng trồng dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã sản xuất dược liệu tập trung.

2. Điều kiện được hỗ trợ

a) Đối tượng hỗ trợ có đơn đăng ký tham gia, có dự án được cấp có thẩm quyền phê duyệt;

b) Quy mô vùng nguyên liệu sản xuất đối với 1 dự án: diện tích tối thiểu từ 2ha trở lên đối với cây dược liệu hàng năm và 10 ha trở lên đối với cây dược liệu lâu năm.

c) Cam kết duy trì mã vùng trồng đảm bảo đúng quy định tối thiểu 5 năm.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 100% kinh phí cấp mã số vùng trồng. Mức hỗ trợ tối đa không quá 100 triệu đồng/vùng trồng.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư.

Điều 9. Hỗ trợ đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Có dự án đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Xây dựng cơ sở bảo quản có thể tích kho bảo quản tối thiểu đạt 1.000 m³; đảm bảo các điều kiện, quy định về bảo vệ môi trường.

c) Phải có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai có xác nhận của Chính quyền địa phương. Nếu vùng nguyên liệu do tổ chức, cá nhân tự đầu tư trên địa bàn tỉnh phải có minh chứng vùng nguyên liệu của mình.

d) Đối với bảo quản dược liệu làm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm thì cơ sở bảo quản phải được cấp giấy chứng nhận Thực hành tốt bảo quản thuốc, nguyên liệu GSP (còn hiệu lực) và các quy định về bảo quản dược liệu của Bộ Y tế; Đối với bảo quản nguyên liệu làm thực phẩm thông thường thì cơ sở sản xuất phải đạt một trong các tiêu chuẩn ISO 22000 hoặc HACCP và có giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (còn hiệu lực).

e) Máy móc, dây truyền, thiết bị đảm bảo mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ, hóa đơn, chứng từ rõ ràng. Chi mua sắm máy móc, dây truyền, thiết bị trong hàng rào dự án theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

f) Được các cơ quan liên quan của tỉnh nghiệm về thu khối lượng, chất lượng, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần đối với doanh nghiệp, HTX đầu tư cơ sở bảo quản dược liệu trên địa bàn tỉnh Lào Cai, mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư nhưng tối đa không quá 02 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư

Điều 10. Hỗ trợ đầu tư cơ sở chế biến dược liệu

1. Đối tượng áp dụng: Tổ chức, Doanh nghiệp, Hợp tác xã

2. Điều kiện được hưởng hỗ trợ:

a) Hoạt động hỗ trợ thông qua xây dựng dự án, được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

b) Phải có hợp đồng thu mua nguyên liệu dược liệu ổn định (ít nhất 36 tháng) với nông dân hoặc các tổ chức đại diện cho nông dân trên địa bàn tỉnh Lào Cai có xác nhận của Chính quyền địa phương. Nếu vùng nguyên liệu do tổ chức cá nhân tự đầu tư phải có minh chứng vùng nguyên liệu của mình.

c) Đối với cơ sở chế biến dược liệu với mục đích làm thuốc, thực phẩm bảo vệ sức khỏe, mỹ phẩm thì cơ sở phải được cấp giấy chứng nhận Thực hành sản xuất tốt GMP (còn hiệu lực) và các quy định về sản xuất, chế biến dược liệu của Bộ Y tế; Đối với cơ sở chế biến dược liệu với mục đích làm sản phẩm thông

thường thì cơ sở phải được cấp giấy chứng nhận tiêu chuẩn ISO 22000 hoặc HACCP và có Giấy chứng nhận đủ điều kiện an toàn thực phẩm (còn hiệu lực); đảm bảo về bảo vệ môi trường; công suất tối thiểu 05 tấn nguyên liệu/ngày, đêm.

d) Máy móc dây chuyền, thiết bị đảm bảo mới 100%, có nguồn gốc, xuất xứ, hóa đơn, chứng từ rõ ràng. Chỉ mua sắm máy móc, dây chuyền, thiết bị trong hàng rào dự án theo Quyết định của cấp có thẩm quyền trong phạm vi dự toán được giao, đảm bảo theo quy định của pháp luật về đấu thầu.

e) Được các cơ quan liên quan của tỉnh nghiệm thu khối lượng, chất lượng, hiệu quả kinh tế xã hội của dự án.

3. Nội dung và mức hỗ trợ: Hỗ trợ 01 lần đối với Tổ chức, Doanh nghiệp, HTX đầu tư cơ sở chế biến được liệt kê trên địa bàn tỉnh Lào Cai, mức hỗ trợ tối đa 50% kinh phí đầu tư, nhưng không quá 10 tỷ đồng/dự án.

4. Phương thức hỗ trợ: Hỗ trợ sau đầu tư

Điều 11. Miễn lệ phí cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất

Trường hợp nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân để thực hiện việc trồng, sản xuất, chế biến được liệt kê thì được miễn lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Điều 12. Hỗ trợ công tác quản lý, chỉ đạo thực hiện chính sách hàng năm

Hỗ trợ tối đa 5% tổng kinh phí được giao để thực hiện hoạt động phát triển sản xuất hàng năm đối với cấp xã.